

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 190 /2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

**Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện
cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 7 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;

Căn cứ Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện;

Sau khi có ý kiến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Công văn số 2096/LĐTBXH-KHTC ngày 19 tháng 6 năm 2014, ý kiến của Bộ Công thương tại Công văn số 4478/BCT-ĐTĐL ngày 26 tháng 5 năm 2014;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

2. Đối tượng được hỗ trợ tiền điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt là một trong những hộ gia đình sau:

a) Hộ nghèo được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 – 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có (Sau đây gọi là hộ nghèo); Trường hợp địa phương có hộ nghèo theo chuẩn quy định của địa phương cao hơn chuẩn hộ nghèo quốc gia thì thực hiện theo chuẩn hộ nghèo thực tế tại từng địa phương, kinh phí hỗ trợ tiền điện cho số hộ nghèo có chuẩn nghèo cao hơn chuẩn quốc gia do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Hộ chính sách xã hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có, không thuộc diện hộ nghèo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (Sau đây gọi là hộ chính sách xã hội).

Điều 2. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ và thời gian thực hiện

1. Mỗi hộ nghèo và hộ chính sách xã hội chỉ được hưởng một mức hỗ trợ tiền điện. Mức hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành là 46.000 đồng/hộ/tháng. Khi cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 tăng, giảm so với hiện hành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương điều chỉnh kịp thời mức hỗ trợ tiền điện hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 đã điều chỉnh.

2. Phương thức hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội: Chi trả trực tiếp theo hình thức hỗ trợ bằng tiền từng quý đến hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

3. Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được thực hiện từ ngày 01 tháng 6 năm 2014 theo quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội do ngân sách nhà nước đảm bảo theo nguyên tắc sau:

a) Ngân sách Trung ương: Hỗ trợ 100% kinh phí cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và tỉnh Quảng Ngãi; hỗ trợ 50% kinh phí cho các địa

phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương dưới 50%;

b) Ngân sách địa phương: Những địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương dưới 50%, cân đối ngân sách địa phương bố trí 50% kinh phí. Các địa phương còn lại, ngân sách địa phương tự đảm bảo. Đối với các địa phương có số hộ nghèo theo chuẩn nghèo của địa phương cao hơn chuẩn hộ nghèo quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cân đối ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ tiền điện cho số hộ nghèo đó.

2. Kinh phí tổ chức triển khai, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các Bộ, ngành và địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4. Lập dự toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập, phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Dự toán ngân sách được lập theo các chỉ tiêu, biểu mẫu kèm theo Thông tư này và phải thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán (Đối tượng; kinh phí; nguồn kinh phí) theo đúng chế độ, chính sách quy định.

3. Hàng năm, căn cứ số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội thuộc diện hỗ trợ tiền điện được cấp có thẩm quyền quyết định và mức hỗ trợ tiền điện, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán kinh phí hỗ trợ tiền điện gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp dự toán ngân sách huyện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện lập dự toán kinh phí hỗ trợ tiền điện theo biểu mẫu số 01-DT/HTTĐ cùng với dự toán ngân sách huyện gửi Sở Tài chính, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan để tổng hợp cùng với dự toán ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán kinh phí hỗ trợ tiền điện theo biểu mẫu số 02-DT/HTTĐ cùng với dự toán ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; trong đó xác định rõ các nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương gửi Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Căn cứ báo cáo của các địa phương, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo theo biểu mẫu số 03-DT/HTTĐ, Bộ Công thương, Bộ Tài chính phối hợp

với các cơ quan có liên quan tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ, báo cáo Quốc hội quyết định.

Điều 5. Quản lý, cấp phát, thanh toán

1. Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Hàng quý, hàng năm căn cứ số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo; kết quả điều tra, rà soát số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội hàng năm của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội công bố; số hộ chính sách xã hội có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50kWh do Bộ Công thương cung cấp, Bộ Tài chính bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

3. Trên cơ sở kinh phí bổ sung từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và phân bổ kinh phí cho các huyện.

Căn cứ nguồn kinh phí được giao, nhu cầu kinh phí hỗ trợ tiền điện trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và phân bổ ngân sách cho các xã, phường, thị trấn. Trường hợp quyết định bổ sung kinh phí trong năm không trùng với kỳ họp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi quyết định phân bổ kinh phí và báo cáo Hội đồng nhân dân trong kỳ họp gần nhất.

Đối với địa phương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường, việc lập, quyết định dự toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2009/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường.

4. Định kỳ, trước ngày 10 tháng đầu quý, Ủy ban nhân dân xã căn cứ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định, hóa đơn thanh toán tiền điện các tháng trong quý trước của hộ chính sách xã hội xác định hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện và lập danh sách theo mẫu số

04-CT/HTTĐ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội).

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo công khai mức hỗ trợ tiền điện và danh sách từng hộ nghèo, hộ chính sách xã hội thuộc diện được hỗ trợ tiền điện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân, dân cư.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định, hộ gia đình có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt các tháng không quá 50 kWh trong quý trước do Cơ quan điện lực cung cấp có trách nhiệm thẩm định, ký xác nhận vào danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện do Ủy ban nhân dân cấp xã lập và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội để làm căn cứ cho Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp kinh phí cho cấp xã thực hiện chi trả (kể cả kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chưa nhận kỳ trước). Ngân sách cấp huyện chuyển kinh phí vào tài khoản tiền gửi của Ủy ban nhân dân cấp xã mở tại Kho bạc Nhà nước.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã: Thực hiện rút kinh phí, phân công cán bộ phụ trách Lao động – Thương binh và Xã hội, cán bộ làm công tác giảm nghèo, trưởng thôn, ấp, bản tổ chức thực hiện chi trả bằng tiền mặt trực tiếp đến từng hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện trên địa bàn mỗi quý 1 lần và hoàn thành chi trả trước ngày 25 của tháng thứ 2 trong quý. Trường hợp quý sau căn cứ hóa đơn thanh toán tiền điện của hộ chính sách xã hội nếu vượt sản lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt (trên 50 kWh) trong tháng của quý trước, thì số tiền thanh toán cho đối tượng được hưởng điều chỉnh giảm (hoặc thu hồi) vào quý sau.

Căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hình thức chi trả phù hợp và thuận lợi cho hộ gia đình (Địa điểm tập trung tại nhà văn hóa tổ dân phố, thôn, xóm hoặc tại nhà từng hộ gia đình). Số tiền hỗ trợ được cấp đủ một lần theo định mức, trực tiếp cho người nhận là chủ hộ hoặc thành viên trong hộ, trường hợp đặc biệt hộ gia đình được hỗ trợ tiền điện không có người nhận tiền trực tiếp thì viết giấy uỷ quyền cho người nhận thay, người nhận tiền phải ký nhận và ghi rõ họ tên vào danh sách hộ nhận hỗ trợ tiền điện.

Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội quy định tại Quyết số 28/2014/QĐ-TTg phải quản